



LUYỆN NGHE NÓI 1000 TỪ VỰNG TIẾNG ANH THEO CHỦ ĐỀ

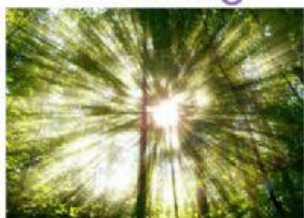
CHỦ ĐỀ 6: THỜI TIẾT (WEATHER)

Không khí



Air

Nắng sáng,
tươi sáng



Bright

Lạnh lẽo



Chilly

Trong xanh,
không có mây



Clear



LIVEWORKSHEETS

Nhiều mây



Cloudy

Lạnh



Cold

Mát mẻ, mát
trời



Cool

Khô ráo, khô
hanh



Dry

Đẹp trời



Fine

Trời nhiều
sương



Foggy

Dự báo



Forecast

Rét run, lạnh
cóng



Freezing

Nóng



Hot

Nóng ẩm, ẩm
ướt



Humid

Có mưa



Rainy

Có tuyết



Snowy

Bão



Storm

Trời có nắng



Sunny

Ấm áp



Warm

Có gió



Windy

